

GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO TĂNG NI SINH VIÊN HỌC VIỆN PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Dương Thị Kim Oanh^{1*} và Nguyễn Thị Phương Thảo²

¹*Viện Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh*

²*Trung tâm Bảo trợ Trẻ em Khuyết tật chùa Long Thọ, Thành phố Huế*

Tóm tắt. Giá trị của Phật giáo tồn tại hơn hai mươi lăm thế kỷ đã có một vị trí vững chắc trong lòng công chúng. Phật giáo hiện đại sẽ tiếp nối những thành quả đã có khi mỗi Tăng ni rèn luyện được các phẩm chất và năng lực để thực hiện sứ mệnh hoằng pháp thiêng liêng. Những biến đổi về kinh tế - xã hội và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ trong giai đoạn hiện nay đã đem đến luồng sinh khí mới thổi vào con đường hành đạo, góp phần khắc phục những hạn chế của hoằng pháp truyền thống theo hướng truyền đi thông điệp một chiều. Bên cạnh việc lĩnh hội kiến thức về giáo lý, kinh điển đạo Phật v.v, để thực hiện sứ mệnh hoằng pháp đáp ứng được yêu cầu của bối cảnh mới, Tăng ni sinh viên của Học viện Phật giáo Việt Nam cần được trang bị các kỹ năng mềm cần thiết. Mặc dù ý nghĩa và loại kỹ năng mềm của nhà hoằng pháp Phật giáo đã được nghiên cứu song cơ sở lý luận về giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên trong các Học viện Phật giáo Việt Nam còn ít được đề cập. Bài báo tập trung phân tích một số vấn đề lý luận về giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên như khái niệm Tăng ni sinh viên, các loại kỹ năng mềm cần trang bị cho Tăng ni sinh viên, nội dung và hình thức giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên. Các kết quả phân tích của bài báo góp phần làm phong phú hơn cơ sở khoa học của công tác giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên tại các Học viện Phật giáo Việt Nam.

Từ khóa: Tăng ni sinh viên, kỹ năng mềm, Hoằng pháp, Bát chánh đạo.

1. Mở đầu

Sự biến đổi về kinh tế - xã hội và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ đang tác động tới nhiều mặt của cuộc sống, trong đó có công tác hoằng pháp. Hoằng pháp hay hoằng dương chánh pháp nhằm làm lan tỏa giáo lý của Đức Thế Tôn, đem lại sự an lạc, giải thoát cho con người. Đây cũng là nhiệm vụ then chốt, quan trọng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong hiện tại và tương lai [1, tr.165].

Phật giáo không chỉ có chức năng của tôn giáo mà còn có chức năng giáo dục - làm cho mọi người có thể hoàn thành nhân cách Phật giáo qua giáo dục về các lời dạy của Đức Phật [2, tr.153]. Giáo dục đào tạo và tu tập là điều kiện tiên quyết đưa đến sự giác ngộ, giải thoát và là phương tiện căn bản để hoằng pháp. Tăng Ni muốn tuyên dương giáo pháp, phải hiểu rõ Phật pháp và nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều vị Tăng ni tu tập đầy đủ phẩm chất đạo đức và kiến thức chuyên môn song vẫn gặp những khó khăn trong công tác hoằng pháp do hạn chế về kỹ năng mềm. Một số Tăng ni còn khá rụt rè, ngại giao tiếp, lúng túng trong trao đổi

Ngày nhận bài: 12/7/2021. Ngày sửa bài: 29/7/2021. Ngày nhận đăng: 4/8/2021.

Tác giả liên hệ: Dương Thị Kim Oanh. Địa chỉ e-mail: oanhdtk@hcmute.edu.vn

và ứng xử, chưa chủ động hay tư duy sáng tạo, linh động trong học tập, thiếu tự tin nói và thuyết trình trước đám đông, chưa sử dụng được công nghệ để đưa bài pháp đến rộng rãi quần chúng. Do đó, công tác giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên Học viện Phật giáo Việt Nam giúp họ tu tập được các kỹ năng mềm cần thiết để gánh vác sứ mệnh hoằng pháp, cống hiến cho xã hội, đem hạnh phúc bình an đến cho mọi người.

Những nghiên cứu về giáo dục kỹ năng mềm trên thế giới khá phong phú và được khai thác dưới nhiều góc độ ở các lĩnh vực khác nhau nhằm giúp con người không chỉ có kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà còn có khả năng thấu hiểu, thiết lập và duy trì mối quan hệ với người khác, giao tiếp, lắng nghe, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo v.v. Vấn đề trang bị kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên cũng được quan tâm nghiên cứu trong một lĩnh vực đặc thù - giáo dục Phật giáo [1, tr.167], [2, tr.158]. [3, tr.13], [4, tr.34], [5, tr.25- 26], [6, tr.297], [7, tr.473], [8, tr.157].

Phật giáo được đức Phật Thích Ca Mâu Ni (563-483 TCN), truyền giảng ở miền Bắc Ấn Độ vào thế kỉ VI TCN. Giáo dục Phật giáo được đức Phật thiết lập là quá trình dạy cho con người hiểu biết và thực hành giáo lí Phật giáo, bao gồm kiến thức Phật học và các kỹ năng cần thiết của một con người để họ hội đủ các phẩm chất về hạnh đức, tâm đức và tuệ đức để phát triển thành một con người toàn diện, nhập thế độ sanh, phục vụ đạo pháp và dân tộc.

Trong tác phẩm *Đạo kĩ nguyên mới*, Đức Dalai Lama (2011) đã đưa ra những phương pháp, cách thức để phát triển trí thông minh cảm xúc, kỹ năng làm chủ nội tâm, vượt qua mọi khó khăn và xây dựng con người và xã hội hạnh phúc [3, tr.13].

Nghiên cứu vấn đề Đưa đức Phật vào nơi làm việc, Metcalf và Gallagher (2015), cho rằng, để giải quyết vấn đề cơ bản của cuộc sống, Phật giáo sử dụng trí tuệ và trí tuệ cảm xúc [4, tr.34]. Đây là một trong bốn loại trí tuệ của con người (trí thông minh theo tình huống - bối cảnh, trí tuệ cảm xúc, trí tuệ sáng tạo, trí tuệ thể chất) được Sunim (2019) khái quát lại dựa theo quan điểm của Klaus Schwab (Giám đốc diễn đàn kinh tế thế giới) khi phân tích vấn đề giáo dục Phật giáo và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 [2, tr.158].

Nghiên cứu nghệ thuật truyền đạt cho con người, Hoà Thượng Khenchen Konchog Gyaltsen (2016) đã đưa ra các loại kỹ năng mà người Tu sĩ cần phải trau dồi như kỹ năng sáng tạo, kỹ năng chữa trị, kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng lập luận, kỹ năng về siêu hình học [5, tr.25 - 26].

Nghiên cứu vấn đề kỹ năng mềm của nhà hoằng pháp Phật giáo và những thách thức của thời đại công nghệ 4.0, Thích nữ Tường Nghiêm (2019) cho rằng trong Phật giáo, thuật ngữ 'kỹ năng mềm' vẫn chưa có định nghĩa một cách cụ thể. Thích nữ Tường Nghiêm (2019) chia kỹ năng mềm thành hai nhóm là kỹ năng đối nội (làm chủ thân tâm, lắng nghe và chia sẻ, biết kham nhẫn, kiên trì và đạt mục tiêu, sáng tạo trong công việc, sự bao dung v.v) và kỹ năng đối ngoại (có cái nhìn tổng quan, hòa đồng và tạo lập mối quan hệ tập thể, lựa chọn và ưu tiên công việc, thuyết giảng, từ tốn giải quyết vấn đề v.v). Bên cạnh đó, Tăng Ni cần nỗ lực trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn về nội điển và ngoại điển, rèn luyện kỹ năng mềm, đặc biệt tìm cách học hỏi và tiếp cận kỹ năng sử dụng công nghệ để giúp thực hiện mục tiêu, sứ mạng truyền bá lời Phật dạy đến với mọi tầng lớp trong xã hội một cách thành công và thuận tiện nhất [6, trang 297].

Nhận thức sâu sắc về tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tới công tác hoằng pháp, Hòa thượng Thích Tấn Đạt (2019) đưa ra các định hướng hoạt động cho ngành hoằng pháp. Dựa trên đặc trưng của hoạt động hoằng pháp là luôn linh hoạt, nhất là gắn liền với tinh thần khế lí, khế cơ, khế xứ, khế thời, các định hướng hoạt động cho ngành hoằng pháp gắn liền với việc bồi dưỡng các kỹ năng cho Tăng, Ni. Tăng, Ni thuyết giảng Phật pháp cần tăng cường học hỏi, trau dồi kỹ năng liên quan đến tin học, cách sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại; thuyết pháp qua truyền thông ngắn gọn, mạch lạc, logic và truyền cảm cho quần chúng [1, tr.167]. Nhằm đào tạo nguồn nhân lực đối ngoại Phật giáo trong bối cảnh hiện nay, Thượng Toạ Thích Thanh Tâm (2019) đề xuất xây dựng chuyên ngành đào tạo cấp đại học Quan hệ đối ngoại Phật giáo tại bốn học viện Phật giáo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Hà Nội và Cần

Thơ. Bên cạnh các chuẩn đầu ra về kiến thức, phẩm chất đạo đức và kỹ năng chuyên môn, Thượng Tọa Thích Thanh Tâm (2019) đề xuất Tăng ni sinh viên tốt nghiệp cần biết cách thuyết trình; giao tiếp liên cá nhân trực tiếp, xử lý các mối quan hệ trong một nhóm hoặc nhiều nhóm cộng tác công việc; có kỹ năng tiếng Anh chuyên ngành đủ để học tập và nghiên cứu chuyên ngành. Biết cách xử lý các văn bản thông qua việc nắm vững và giải quyết được nhiệm vụ của các loại hình văn bản; biết cách sử dụng các thiết bị văn phòng và một số thiết bị kỹ thuật công nghệ khác [7, tr. 473].

Nghiên cứu thực trạng của công tác hoằng pháp tại Đại học Huế, các niệm Phật đường trên địa bàn thành phố Huế và huyện Phú Vang, Đại đức Thích Hưng Yên (2019) đã xác định được một số hạn chế của các giảng sư trong công tác hoằng pháp như: 1) Ngôn ngữ diễn đạt thường khu biệt trong sách vở và sử dụng quá nhiều thuật ngữ; 2) Thời gian để thuyết giảng dài và thỉnh thoảng không có thời gian để hỏi; 3) Ít nắm bắt được mong muốn của hội chúng. Từ thực trạng nghiên cứu, Đại đức Thích Hưng Yên (2019) cần trang bị cho người làm công tác hoằng pháp các kỹ năng sau: kỹ năng nói trước công chúng; kỹ năng nắm bắt tâm lý; kỹ năng về công nghệ; kỹ năng về mỹ thuật [8, tr. 157].

Như vậy, các nghiên cứu về kỹ năng mềm và giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni được các học giả trên thế giới và Việt Nam quan tâm. Tuy nhiên, các nghiên cứu này nhấn mạnh vai trò và ý nghĩa của kỹ năng mềm đối với Tăng ni trong công tác hoằng pháp song việc phân tích loại kỹ năng mềm, nội dung, con đường và phương pháp giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni vẫn còn là khoảng trống cần được nghiên cứu.

Nhận thức được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của vấn đề giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên nhằm giúp họ thực hiện thành công công tác hoằng pháp, bài báo phân tích một số vấn đề lý luận về giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên như phân loại kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên, con đường giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên. Các vấn đề lý luận này là cơ sở khoa học để thực hiện công tác giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên trong các học viện Phật giáo Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề cơ bản về Tăng ni sinh viên và kỹ năng mềm của Tăng ni sinh viên

Tăng ni sinh viên phần lớn là xuất gia từ nhỏ, sống đời yên tĩnh trong tự viện. Tăng ni sinh viên được rèn luyện oai nghi tế hạnh thông qua bốn quyển Luật tiểu, các giới luật căn bản như những kỹ năng sống cơ bản của người xuất gia tu học, những bài kinh trong các thời công phu nhằm rèn luyện tâm trí sáng suốt, định tĩnh, phát khởi lòng từ bi rộng lớn. Bên cạnh đó, Tăng ni sinh viên còn được học về nội và ngoại điển nhằm hỗ trợ phát triển nhân cách một cách ổn định. Tăng ni sinh viên có tuổi đời từ 18 đến 35, là giai đoạn quá trình nhận thức phát triển mạnh, có tư duy sâu sắc, họ không chỉ tu tập và rèn luyện bản thân mà còn hướng dẫn Phật tử cùng tu tập. Tăng ni sinh viên có khả năng tự học, tự đánh giá, tự ý thức, tự phê phán đặc biệt tự giáo dục để hoàn thiện nhân cách, phát triển các kỹ năng để phù hợp với sự phát triển của xã hội. Trước khi bước vào Học viện Phật giáo, Tăng ni sinh viên đã tốt nghiệp Trung cấp Phật học và Trung học phổ thông nên đã có nền tảng kiến thức để học tập và tu tập. Theo Thích Nguyên Hạnh, Tăng ni sinh Học viện Phật giáo là người Việt Nam, đa số thuộc lứa tuổi thanh - thiếu niên, đã tốt nghiệp Trung học phổ thông trong hệ thống giáo dục Việt Nam, do vậy, tâm lý của Tăng ni sinh cũng có điểm tương đồng với tâm lý của thanh thiếu niên Việt Nam [9, tr. 178].

Kỹ năng mềm là khả năng thực hiện đúng hành động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành hành động ấy cho dù đó là hành động cụ thể hay hành động trí tuệ [10, tr. 63]. Kỹ năng mềm không phải là bẩm sinh mà được hình thành từ học tập, tự rèn luyện và trải nghiệm của con người [11, tr.9]. Kỹ năng mềm là một thuật ngữ thiên về mặt xã hội

để chỉ những kĩ năng có liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp, khả năng hòa nhập xã hội, thái độ và hành vi ứng xử hiệu quả trong giao tiếp. Các kĩ năng đó liên quan đến việc con người hòa nhập, chung sống và tương tác với các cá nhân, nhóm, tập thể, tổ chức, cộng đồng [12, tr.30].

Tìm hiểu các nghiên cứu về kĩ năng mềm cho Tăng ni đã chỉ ra tính đa dạng và giá trị của kĩ năng mềm trong việc hỗ trợ Tăng ni thực hiện công tác hoằng pháp thành công. Căn cứ vào yêu cầu khách quan của sự phát triển trong xu thế hội nhập, đặc điểm và khả năng của Tăng ni sinh viên, bài báo tập trung vào các kĩ năng mềm cần thiết cho Tăng ni sinh viên học tập, rèn luyện để thực hiện con đường hoằng pháp trong thời đại mới, gồm: kĩ năng thuyết trình, kĩ năng kiểm soát cảm xúc, kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Đối với nhà hoằng pháp Phật giáo, kĩ năng thuyết trình đóng vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến sự thành công hay thất bại trong sự nghiệp hoằng pháp độ sanh, bởi hoằng pháp được xem là sứ mệnh thiêng liêng vốn được truyền thừa từ chư Phật và chư Tổ. Kĩ năng thuyết trình là phương tiện cần thiết nhất giúp mỗi hành giả chuyển tải những thông điệp, lời hay ý phải đến với người nghe. Mặt khác, trong thời đại ngày nay, vấn đề đưa Phật pháp vào cuộc sống cần phải có sự hội nhập, thích nghi với hoàn cảnh cũng như sự phát triển chung của xã hội, hoằng pháp trong thời công nghệ như là một luồng sinh khí tươi mới thổi vào con đường hành đạo, đã khắc phục được nhược điểm của hoằng pháp truyền thống Phật giáo vốn chỉ truyền đi thông điệp một chiều. Vì vậy, mỗi Tăng ni sinh viên khi dần thân phụng sự, bên cạnh kiến thức chuyên môn, cần không ngừng nỗ lực tu tập, trau dồi phẩm chất đạo đức, làm chủ thân tâm, kiểm soát cảm xúc để không bị hoàn cảnh cuộc sống chi phối, cần trang bị kĩ năng sử dụng công nghệ thông tin nhằm hoằng pháp một cách rộng rãi và nhanh chóng mà vẫn giữ được phẩm hạnh Thiên môn, tạo ý tưởng và sự sáng tạo riêng với công việc hoằng pháp của mình.

2.2. Các kĩ năng mềm cần trang bị cho Tăng ni sinh viên trong bối cảnh hiện nay

2.2.1. Kĩ năng thuyết trình

Đối với nhà hoằng pháp Phật giáo, kĩ năng thuyết trình đóng vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng lớn đến sự thành công hay thất bại trong sự nghiệp hoằng pháp độ sanh, bởi hoằng pháp được xem là sứ mệnh thiêng liêng vốn được truyền thừa từ chư Phật và chư Tổ. Kĩ năng thuyết trình là phương tiện cần thiết nhất giúp mỗi hành giả chuyển tải những thông điệp, lời hay ý phải đến với người nghe.

Kĩ năng thuyết trình là khả năng diễn đạt một vấn đề với những lí lẽ và lập luận chặt chẽ để thuyết phục và tương tác với người nghe bằng cách thu thập và giải đáp các câu hỏi phản biện [13, tr. 279]. Kĩ năng thuyết trình là kĩ năng giao tiếp với đám đông, là khả năng nhận biết nhanh chóng những biểu hiện bên ngoài và đoán biết diễn biến tâm lí bên trong. Đồng thời biết sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách định hướng để điều chỉnh và điều khiển quá trình giao tiếp đạt được mục đích đã định [1410, tr. 216]. Bài viên xác định biểu hiện của kĩ năng thuyết trình trên cơ sở tổng hợp nghiên cứu của Collins (2015) về nghệ thuật thuyết trình như sau [11]:

Bảng 1. Biểu hiện kĩ năng thuyết trình

TT	Tiêu chí	Biểu hiện
1	Cấu trúc, nội dung bài thuyết trình	- Cấu trúc bài thuyết trình đầy đủ các phần: mở đầu, nội dung, kết thúc. - Phần nội dung chứa đựng thông tin chính xác, khoa học, ý nghĩa, làm tăng sự hiểu biết của khán giả về chủ đề trình bày. - Phần mở đầu và kết thúc trình bày ấn tượng, ngắn gọn, cô đọng, bố cục logic, lập luận thuyết phục
2	Thiết kế bài thuyết	- Sử dụng công cụ hỗ trợ trực quan hiệu quả, phù hợp, sáng tạo, thiết kế phần mềm Power Point với những slide chuẩn, đẹp, gắn với nội dung thuyết trình.

	trình	- Sử dụng các phương tiện nghe nhìn hiệu quả như bảng, giấy bút, các hình vẽ màu sắc, các mô hình mô phỏng một cách linh hoạt và phù hợp, sinh động.
3	Phong cách thuyết trình	- Trình bày rõ ràng, mạch lạc, cô đọng thông tin. Sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, phong phú, cảm xúc. Phong cách nói khoa học, đôi khi pha lẫn hài hước. - Tốc độ, cao độ, phát âm, nhấn nhá v.v thích hợp với điều kiện hoàn cảnh. - Tâm lý thoải mái, tự tin, hướng đến sự lợi ích của thính giả, tránh hiện tượng run sợ, tức giận, nổi nóng v.v. - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ một cách tự nhiên có tác dụng hiệu quả, giúp truyền đạt tới người nghe những ý nghĩ, tình cảm, khó diễn đạt trực tiếp bằng lời, giảm tránh sự đơn điệu, nhàm chán, cứng nhắc.
4	Phản hồi với khán giả	- Xác định được diễn biến tâm lý của khán giả để nắm bắt tình hình trong khi thuyết trình, có biện pháp thay đổi phù hợp để duy trì sự tập trung của thính giả. - Đặt câu hỏi và giải đáp thắc mắc nhằm tạo sự tương tác giữa người trình bày và khán giả, kiểm tra lại những thông điệp và củng cố những điểm mấu chốt mà người thuyết trình muốn người nghe tiếp nhận. - Trả lời rõ ràng, súc tích ngắn gọn, đi vào trọng tâm, kiểm soát và phân bổ thời gian đặt và trả lời câu hỏi hợp lý.

2.2.2. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc

Kiểm soát cảm xúc là kỹ năng làm chủ các biểu hiện cảm xúc của bản thân, người khác và có cách giải tỏa cảm xúc phù hợp [1612, tr.129]. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc là khả năng cư xử với tâm từ bi và trí tuệ, trong khi vẫn duy trì sự bình an bên trong lẫn bên ngoài trong bất kỳ hoàn cảnh nào [1713, tr. 41]. Kỹ năng này đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần và ảnh hưởng đến kết quả học tập, công việc và đời sống của Tăng ni sinh viên. Dalai Lama (2011) xác định các biểu hiện của kỹ năng kiểm soát cảm xúc như sau [3, tr. 32]:

Bảng 2. Biểu hiện kỹ năng kiểm soát cảm xúc

TT	Tiêu chí	Biểu hiện
1	Ý thức về hành động	- Giám sát, thấu hiểu các cảm giác, cảm xúc của bản thân và người khác, phân biệt và sử dụng các thông tin nhằm định hướng suy nghĩ, hành động phù hợp. - Không đưa ra những quyết định ngẫu hứng, bất cẩn, luôn suy nghĩ, cân nhắc trước khi hành động
2	Nhận diện cảm xúc	- Nhận diện và gọi đúng tên cảm xúc. - Tìm hiểu nguyên nhân đưa đến các cảm xúc tiêu cực. - Đối mặt với cảm xúc tiêu cực.
3	Chế ngự cảm xúc	- Chế ngự những cảm xúc tiêu cực, chuyển hóa chúng thành những cảm xúc tích cực, giữ tinh thần lạc quan, tự tin, điềm tĩnh. - Có khả năng trì hoãn sự thỏa mãn ham muốn, đam mê, kiểm soát và điều khiển nhu cầu hành động, tạo ra hy vọng, không lùi bước trước lo lắng, không chán nản khi đương đầu với khó khăn hay thất vọng.
4	Khả năng tự chủ	- Khả năng giải quyết vấn đề, kiểm tra cảm xúc trong thực tiễn và tính mềm dẻo trong tư duy. - Điều khiển cảm xúc của mình và người khác. - Thiết lập, duy trì và mở rộng các mối quan hệ xã hội. - Tranh luận hiệu quả, không nhìn nhận vấn đề rập khuôn hay phán đoán tình huống vội vàng. - Chân thành cởi mở, khắc phục thói vị kỷ của bản thân và luôn có thái độ biết ơn.

2.2.3. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

Để thích ứng với bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, Hòa thượng Thích Tấn Đạt (2019) khuyến khích Tăng, Ni bồi dưỡng kỹ năng liên quan đến tin học, cách sử dụng các thiết bị điện tử hiện đại [1, tr. 168]. Bài báo xác định các biểu hiện của kỹ năng sử dụng công

nghệ của Tăng ni sinh viên dựa vào chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản được quy định trong Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT về Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông như sau:

Bảng 3. Biểu hiện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (cơ bản)

TT	Tiêu chí	Biểu hiện
1	Sử dụng máy tính	- Có hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính: trình tự và các lưu ý thực hiện công việc đúng cách, an toàn; mở máy, đăng nhập và sử dụng bàn phím, chuột. - Làm việc được với hệ điều hành: màn hình làm việc; biểu tượng và cửa sổ. - Quản lý thư mục và tệp: xem thông tin, di chuyển đến nơi lưu trữ, tạo đường tắt đến nơi lưu giữ thư mục, tệp; tạo, đặt tên, đổi tên tệp và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tệp; chọn, sao chép, di chuyển tệp và thư mục; xóa, khôi phục tệp và thư mục; tìm kiếm tệp và thư mục. - Sử dụng được một số phần mềm tiện ích: nén và giải nén tệp; sử dụng được phần mềm diệt virus và phần mềm an ninh mạng; chuyển đổi được định dạng tệp; sử dụng được một số tiện ích đa phương tiện, xử lý và quản lý ảnh số
2	Xử lý văn bản	- Sử dụng một số phần mềm văn bản: mở, đóng phần mềm xử lý văn bản; mở văn bản có sẵn, tạo văn bản mới, lưu, xóa văn bản; biên tập nội dung văn bản, xử lý lỗi hiển thị tiếng Việt. - Định dạng được văn bản, đoạn văn; sử dụng công cụ sao chép định dạng, áp dụng kiểu dáng dùng cho ký tự vào một văn bản. - Nhúng các đối tượng khác nhau vào văn bản. - Kiết xuất và phân phối văn bản. - Soạn và định dạng được văn bản.
3	Sử dụng trình chiếu	- Tạo và thực hiện bài thuyết trình. - Sử dụng được một số phần mềm trình chiếu như LibreOffice Impress, OpenOffice
4	Sử dụng Internet	- Có kiến thức cơ bản về Internet: các ứng dụng của internet, trang thông tin điện tử, trang web, trang chủ, chức năng của trình duyệt web và một số trình duyệt web cơ bản như Mozilla Firefox, Chromium, Internet Explorer, Opera. - Bảo mật khi làm việc với Internet. - Sử dụng trình duyệt web: thao tác duyệt web cơ bản; thiết đặt; chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác; đánh dấu. - Sử dụng web: đăng nhập, khai báo biểu mẫu, thiết lập biểu mẫu trên web. - Sử dụng thư điện tử. - Sử dụng các chương trình trực tuyến: Livestream - facebook, v.v

Như vậy, hồng pháp là mũi nhọn then chốt trong hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng là nhiệm vụ hàng đầu của mỗi Tăng ni sinh viên. Trong bối cảnh của thời đại mới, Tăng ni sinh viên cần rèn luyện những kỹ năng mềm cần thiết như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng sử dụng công nghệ để có thể đem lại hiệu quả cao nhất trên con đường hồng pháp lợi sanh.

2.3. Nội dung giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên

Bát chánh đạo là giáo lý căn bản của Đạo để trong Tứ đế gồm ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bát Chánh Đạo gồm có tám yếu tố quan trọng đề tu tập gồm Chánh kiến; Chánh tư duy; Chánh ngữ; Chánh nghiệp; Chánh mạng; Chánh tinh tấn; Chánh niệm; Chánh định. Tám yếu tố này được chia thành ba nhóm là Giới, Định và Tuệ. Các kỹ năng mềm được đề cập trong bài báo này có thể được giáo dục qua nội dung của Bát chánh đạo.

2.3.1. Tuệ

Tuệ là sự nhận thức, hiểu biết đúng đắn, chính xác [17, tr.77]. Các chi phần của Tuệ gồm

Chánh kiến và Chánh tư duy, cụ thể:

- *Chánh kiến*: Chánh là ngay thẳng, đúng đắn; kiến là thấy, nhận biết. Chánh kiến là thấy, nghe, hay, biết một cách ngay thẳng, công minh, đúng với sự thật khách quan [17, tr. 96]. Chánh kiến là những tư liệu chính xác, trung thực được tiếp thu từ bên ngoài, làm đối tượng cho nhận thức. Tư liệu là phần rất quan trọng, mang tính quyết định cho sự nhận thức đúng sai, ảnh hưởng đến cả quá trình rèn luyện kỹ năng mềm. Vì vậy, giáo dục kỹ năng mềm qua nội dung Chánh kiến giúp Tăng ni sinh viên có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và sự cần thiết của kỹ năng thuyết trình, kiểm soát cảm xúc và sử dụng công nghệ thông tin, đồng thời nhận biết được hạn chế về các kỹ năng này của bản thân. Từ nhận thức này, Tăng ni sinh viên tự thân nỗ lực tìm kiếm các nguồn tài liệu chính xác, phù hợp để rèn luyện nhằm hình thành và phát triển các kỹ năng mềm. Chánh kiến cũng giúp Tăng ni sinh nhận diện cảm xúc của bản thân và người khác, thấy sự việc đang xảy ra đúng như sự thật, không bị tập quán, thành kiến, dục vọng làm sai lệch, thấy rõ nguyên nhân và kết quả. Nhờ đó, Tăng ni sinh viên học cách điều chỉnh, cân bằng cảm xúc, không để hoàn cảnh chi phối.

- *Chánh tư duy*: Chánh tư duy là suy nghĩ đúng đắn [17, tr. 98]. Chánh tư duy giúp Tăng ni sinh viên tìm ra phương pháp đúng đắn để học tập, rèn luyện các kỹ năng mềm, xử lý những tư liệu thu được từ Chánh kiến phù hợp với các điều kiện thực tế, chuyển hóa những kiến thức thu được từ bên ngoài thành kiến thức của bản thân qua suy nghĩ, tư duy đúng đắn.

Hai chi phần Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc Tuệ mang lại nhận thức sâu sắc về bản chất đời sống, sự vật hiện tượng, tính tích cực làm tư tưởng chủ đạo cho tư duy và hành động. Chánh kiến, Chánh tư duy là nền tảng cơ bản giáo dục Tăng ni sinh viên hình thành nhận thức đúng đắn về các kỹ năng thuyết trình, kiểm soát cảm xúc và sử dụng công nghệ thông tin, tầm quan trọng của các kỹ năng mềm, từ đó hình thành động cơ và thái độ đúng đắn khi rèn luyện chúng trong học tập và đời sống.

2.3.2. Định

Định con người trạng thái quân bình, giữ tâm vắng lặng, thanh tịnh, đưa đến sự tập trung, từ đó, nhận thức sự vật, sự việc một cách rõ ràng, chính xác [17, tr.79]. Các chi phần của Định gồm: Chánh niệm, Chánh tinh tấn và Chánh định.

- *Chánh niệm* là ghi nhớ đến những điều hay lẽ phải. Chánh niệm còn gọi là tỉnh giác, sáng suốt. Chánh niệm giúp Tăng ni sinh viên nhận diện được cảm xúc, kiểm soát hành động của thân, khẩu, ý, điều chỉnh thái độ nhận thức và phản ứng của cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. Chánh niệm là yếu tố quan trọng trong rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc. Chánh niệm còn giúp Tăng ni luôn luôn nghĩ về những mục tiêu và giá trị của kỹ năng mềm đang hướng tới để chủ động chỉ đạo tâm ý, dẫn dắt năng lực và điều khiển hành vi của mình đi đúng hướng nhằm đạt đến mục tiêu đã định.

- *Chánh tinh tấn*: Tinh tấn là chuyên cần, siêng năng, thẳng tiến mục đích đã vạch sẵn. Chánh tinh tấn là kỉ luật tinh thần nhằm chú tâm cố gắng, siêng năng, kiên nhẫn, nỗ lực để hoàn thiện bản thân.

- *Chánh định* là tập trung tư tưởng vào một vấn đề để thấy rõ ràng vấn đề đó.

Như vậy, yếu tố định tĩnh, chuyên tâm của Chánh định giúp Tăng ni sinh viên làm chủ cảm xúc, bình tĩnh. Chánh tinh tấn Tăng ni sinh viên nỗ lực, chuyên cần duy trì tính tỉnh táo, tính chuẩn xác, nhờ đó giảm thiểu các sai sót do tính chất nóng vội, qua loa, gián đoạn trong việc rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kiểm soát cảm xúc và sử dụng công nghệ thông tin. Chánh niệm giúp Tăng ni sinh viên xác định cảm xúc, tình cảm, tâm lí, kiểm soát chặt chẽ tư duy, ngôn ngữ, hành động, hỗ trợ hình thành và phát triển các kỹ năng mềm.

2.3.3. Giới

Giới là những chuẩn mực đời sống, là điều kiện thiết yếu nhằm tạo dựng nên một nền tảng

vững chắc Tăng ni sinh viên học tập và rèn luyện để hoàn thiện bản thân. Các chi phần của giới gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng.

Chánh ngữ là lời nói chân thật, đúng với lẽ phải, công bình, ngay thẳng không tổn hại đến đời sống và danh dự của người khác. Chánh ngữ là lời nói hòa hợp, lời nói nhẹ nhàng không thô ác nặng nề, lời nói không hư dối, thù ghét, phù phiếm, lời nói phù hợp với hoàn cảnh, mục đích người nói. Chánh ngữ giúp Tăng ni sinh viên xây dựng được truyền thông qua lời nói, biết sử dụng ngôn ngữ từ ái, có văn hóa, nói sự thật đúng lúc và có giá trị, v.v nhằm giao tiếp, thuyết trình, sử dụng các chương trình trực tuyến v.v một cách hiệu quả.

Chánh nghiệp là hành động, việc làm chân chính, đúng với lẽ phải, phù hợp với chân lý, có lợi ích cho người. Người theo đúng Chánh nghiệp luôn luôn thận trọng, giữ gìn mọi hành động của mình, không tổn hại đến quyền lợi, nghề nghiệp, địa vị, hạnh phúc, tánh mạng của người khác, hành động có lợi ích cho mọi người.

Chánh mạng là sinh sống một cách chân chính bằng nghề nghiệp lương thiện, trong sạch. Người theo đúng Chánh mạng sống một cuộc đời ngay thật, không gian tham, không làm cho người và vật đau khổ vì nghề nghiệp của mình.

Ba chi phần thuộc Giới giúp Tăng ni sinh viên rèn luyện được lời nói, hành vi đúng đắn, đời sống lí tưởng và phạm hạnh. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Tăng ni sinh viên phát triển các kĩ năng mềm cần thiết.

Như vậy, giáo dục kĩ năng mềm qua nội dung Bát chánh đạo là sự liên hệ giữa lí luận và thực tiễn, hợp nhất giữa tri thức và ứng dụng.

2.4. Hình thức giáo dục kĩ năng mềm cho Tăng ni sinh viên

Hình thức hay con đường giáo dục thực chất là những hoạt động cơ bản được tổ chức với sự tham gia tự giác, tích cực và sáng tạo của học sinh dưới tác động chủ đạo của nhà giáo dục, nhằm hình thành và phát triển nhân cách người học theo mục đích, nhiệm vụ giáo dục [18, tr. 40]. Các hình thức giáo dục cơ bản thường được sử dụng là dạy học và hoạt động ngoài giờ học chính khóa. Căn cứ vào nội hàm khái niệm Tăng ni sinh viên và đặc điểm môi trường học tập và rèn luyện trong các Học viện Phật Giáo Việt Nam, bài báo xác định các hình thức giáo dục kĩ năng mềm cho Tăng ni sinh viên trong Học viện Phật giáo gồm: Giáo dục kĩ năng mềm qua dạy học các môn học trong chương trình đào tạo; Giáo dục kĩ năng mềm qua hoạt động ngoài giờ học trên lớp; Giáo dục kĩ năng mềm qua giáo dục tự viện; Giáo dục kĩ năng mềm qua hoạt động tự giáo dục.

2.4.1. Giáo dục kĩ năng mềm qua dạy học các môn học trong chương trình đào tạo

Dạy học được xem là con đường cơ bản nhất, thuận lợi nhất và có hiệu quả nhất giúp người học chiếm lĩnh được nội dung học vấn, tự rèn luyện để hoàn thiện nhân cách [18, tr. 40]. Để rèn luyện kĩ năng mềm cho Tăng ni sinh viên, Giáo thọ sư lồng ghép, tích hợp các kĩ năng mềm vào bài học, môn học. Khi tổ chức dạy học, Giáo thọ sư vận dụng đa dạng các phương pháp dạy học như thuyết trình, đàm thoại, phương pháp dạy học theo nhóm v.v. để giải quyết các tình huống học tập. Chính trong quá trình giải quyết các tình huống học tập, Tăng ni sinh viên được trao đổi, thảo luận, thiết kế và thực hiện thuyết trình v.v. Những hoạt động học tập này giúp Tăng ni học cách kiểm soát cảm xúc, rèn luyện kĩ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào tìm kiếm thông tin, thiết kế bài thuyết trình và thực hiện thuyết trình.

Ví dụ: Khi dạy bài học “Giáo lí duyên khởi” (Chương trình Cử nhân Phật học), Giáo thọ sư áp dụng phương pháp dạy học đàm thoại để khuyến khích Tăng ni sinh viên trao đổi, chia sẻ nhận thức về khái niệm, nội dung, ứng dụng tu tập giáo lí Duyên khởi trong đời sống hằng ngày. Quá trình trao đổi, chia sẻ giúp Tăng ni sinh viên rèn luyện khả năng diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, truyền cảm; kiểm soát được cảm xúc khi nói, nghe, phản hồi ý kiến.

2.4.2. Giáo dục kỹ năng mềm qua các hoạt động ngoài giờ học trên lớp

Trong công tác giáo dục, các hoạt động ngoài giờ học trên lớp góp phần gắn lý thuyết với thực tiễn và tạo cơ hội cho người học được rèn luyện kiến thức, kỹ năng đã học trong bối cảnh có ý nghĩa. Các hoạt động ngoài giờ học trên lớp được sử dụng trong giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên gồm:

- Giáo dục kỹ năng mềm qua hoạt động trải nghiệm hoằng pháp: Các hoạt động trải nghiệm hoằng pháp cung cấp cơ hội cho Tăng ni sinh viên tiếp cận với môi trường hoằng pháp thực tế, qua đó vận dụng, thực hành kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng kiểm soát cảm xúc.

- Giáo dục kỹ năng mềm qua hoạt động xã hội: Hoạt động xã hội tạo cơ hội cho Tăng ni sinh viên thâm nhập vào cuộc sống, gắn bó với cuộc sống, có ý thức ngày càng đầy đủ và sâu sắc mình là một thành viên của xã hội. Hoạt động xã hội rất phong phú và đa dạng như hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hoạt động từ thiện v.v. Tham gia các hoạt động xã hội giúp Tăng ni sinh viên rèn luyện được các kỹ năng mềm trong thực tiễn cuộc sống.

- Giáo dục kỹ năng mềm qua hoạt động văn hóa Phật giáo: Hoạt động văn hóa Phật giáo là những hoạt động trực tiếp đưa những giá trị tốt đẹp của Phật giáo vào trong đời sống của cộng đồng, hướng đến giáo dục đề cao Chân - Thiện - Mĩ. Có rất nhiều hoạt động được tổ chức hằng năm như Đại lễ Phật đản, Tuần văn hóa Phật giáo, Lễ Vu lan, Lễ hội Quán Thế Âm, Lễ cầu quốc thái dân an, Lễ tưởng niệm Phật hoàng Trần Nhân Tông v.v. Những hoạt động văn hóa Phật giáo tạo môi trường thuận lợi cho Tăng ni sinh viên rèn luyện các kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2.4.3. Giáo dục kỹ năng mềm qua tự giáo dục

Giáo dục tự viện là môi trường giáo dục đầu tiên, có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát triển nhân cách, định hướng nếp sống, suy nghĩ và rèn luyện kỹ năng cho Tăng ni sinh viên. Giáo dục tự viện giúp Tăng ni sinh viên thâm sâu phong vị thiền môn, làm chủ được bản thân, có đầy đủ phạm hạnh và oai nghi, rèn luyện được kỹ năng thuyết trình và kiểm soát cảm xúc.

2.2.4. Giáo dục kỹ năng mềm qua giáo dục tự viện.

Phật giáo đề cao và khuyến khích con người tự giác, tự giáo dục chính bản thân mình, học đi đôi với hành. Tăng ni sinh viên tự thân nỗ lực để tự học, tự rèn luyện để trau dồi kiến thức và tô bồi phạm hạnh, phát triển bản thân. Tính tích cực, tự giác rèn luyện là yếu tố quyết định kết quả rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kiểm soát cảm xúc và sử dụng công nghệ thông tin của Tăng ni sinh viên.

Như vậy, có nhiều con đường khác nhau giúp Tăng ni sinh viên rèn luyện được các kỹ năng mềm cần thiết để thích ứng với bối cảnh mới. Kết quả rèn luyện kỹ năng mềm của Tăng ni sinh viên gắn kết chặt chẽ với tính tự giác, tích cực thực hiện nhiệm vụ cá nhân, tham gia hoạt động nhóm, cộng đồng xã.

3. Kết luận

Để thực hiện sứ mệnh hoằng pháp trong bối cảnh thay đổi về kinh tế - xã hội và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ, Tăng ni sinh viên không chỉ được trang bị về kiến thức Phật học và thế học, đào tạo tác phong tư cách, phẩm chất mà còn cần được rèn luyện các kỹ năng mềm. Trên cơ sở tìm hiểu các nghiên cứu về kỹ năng mềm và giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên, bài viết đề xuất ba kỹ năng mềm cần giáo dục cho sinh viên để thích ứng với bối cảnh mới là kỹ năng thuyết trình, kỹ năng kiểm soát cảm xúc và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, bài viết phân tích các nội dung và con đường giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên. Các nội dung trình bày trong bài báo là cơ sở lý luận định

hướng việc đổi mới công tác giáo dục kỹ năng mềm cho Tăng ni sinh viên trong các Học viện Phật giáo Việt Nam. Đây cũng là khoảng trống trong công tác giáo dục cần được nghiên cứu sâu hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thích Tấn Đạt. 2019. *Công tác hoằng pháp thời cách mạng công nghiệp 4.0. Trong Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện. Phật giáo và cách mạng công nghiệp 4.0.* Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.165 - 167.
- [2] Sunim, J. 2019. *Giáo dục Phật giáo và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Trong Thích Nhật Từ và Thích Đức Thiện. Phật giáo và cách mạng công nghiệp 4.0.* Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.158.
- [3] Dalai Lama. 2011. *Đạo lý nguyên mới.* Nxb Đồng Nai, tr.13.
- [4] Metcalf, F., Gallagher, B (Bùi Quang Khải dịch). 2016. *Đưa đức Phật vào nơi làm việc.* Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.34.
- [5] Khenchen Konchog Gyaltsen. 2016. *A Complete Guide to the Buddhist Path.* Shambhala Publications, tr.25 - 26.
- [6] Thích nữ Tường Nghiêm. 2019. *Kỹ năng mềm của nhà hoằng pháp Phật giáo và những thách thức của thời đại công nghệ 4.0. Trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học Hoằng Pháp Hải ngoại.* Nxb Thuận Hóa, Thừa Thiên Huế, tr.297.
- [7] Thích Thanh Tâm. 2019. *Phật học Việt nam thời hiện đại: Xây dựng chuyên ngành quan hệ đối ngoại Phật giáo. Trong Thích Nhật Từ (Chủ biên). Phật học Việt Nam thời hiện đại: Bản chất, hội nhập và phát triển.* Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.473.
- [8] Thích Hương Yên. 2019. *Trang bị kỹ năng hoằng pháp cho Tăng Ni sinh tại Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Huế. Kỷ yếu Hội thảo khoa học hoằng pháp hải ngoại - Sức mệnh hoằng pháp trong xu hướng toàn cầu hóa.* Nxb Thuận Hoá. Thừa Thiên Huế, tr.157.
- [9] Thích Nguyên Hạnh. 2019. *Giá trị sống của Tăng ni sinh. Trong Thích Nhật Từ (Chủ biên). Phật học Việt Nam thời hiện đại: Bản chất, hội nhập và phát triển.* Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.178.
- [10] Bùi Hiền (chủ biên), Nguyễn Văn Tảo, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh. 2013. *Từ điển giáo dục học.* Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, tr.63.
- [11] Goleman, D (Nguyễn Kiến Giang dịch). 2018. *Trí tuệ cảm xúc.* Nxb Lao động, Hà Nội, tr.9.
- [12] Connolly, S (Phạm Huỳnh Thanh Như dịch). 2018. *Networking - kỹ năng mềm quan trọng nhất.* Nxb Lao động, Hà Nội, tr.30.
- [13] Trác Nhã (Nguyễn Phương Thảo dịch), 2018. *Khéo ăn nói sẽ có được thiên hạ.* Nxb Văn học, Hà Nội, tr.279.
- [14] Meher, M. J (Vũ Diệu Hương dịch). 2015. *Bảy cấp độ giao tiếp để thành công.* Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.216.
- [15] Collins, P (Chương Ngọc dịch). 2015. *Nghệ thuật thuyết trình.* Nxb Thanh Hóa.
- [16] Tulgan, B (Trịnh Can dịch). 2019. *Kỹ năng mềm thế hệ Z.* Nxb Thanh Hóa, tr.129.
- [17] Ban Hoằng pháp Trung ương. 2003. *Phật học căn bản - Tập 1.* Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr.41, 96, 98, 79.
- [18] Hồ Văn Liên. 2009. *Bài giảng Giáo dục học đại cương.* Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, tr.40.

ABSTRACT

Soft Skills Education for Monastic students of Vietnam Buddhist Universities in the current period

Duong Thi Kim Oanh^{*1} and Nguyen Thi Phuong Thao²

¹*Ho Chi Minh City University of Technology and Education*

²*Long Tho Pagoda Disability Child-Rearing Center- HUE city*

The value of Buddhism persists for more than twenty-five centuries and has a strong place in the hearts of the public. Modern Buddhism will continue the achievements that have been achieved when each monastic student cultivates the qualities and competencies to carry out the mission of spreading the Dharma Propagation. The socio-economic changes and the strong development of science, engineering and technology in the current period have brought a new breath of life to the path of religious practice, contributing to overcoming limitations. of traditional propaganda in the direction of one-way message transmission. In addition to acquiring knowledge of Buddhist teachings, scriptures, etc., to fulfill the spread of the Dharma Propagation to meet requirements of the new context, monastic students of Vietnam Buddhist Universities need to be equipped with essential soft skills. Although the meaning and type of soft skills of Buddhist preachers have been studied, the theoretical basis of soft skills education for monastic students in Vietnam Buddhist Universities is still little mentioned. The article focuses on analyzing theoretical issues about soft skills education for monastic students, such as the concept of monastic student, types of soft skills that need to be equipped for monastic students, content and form for soft skills education for monastic students. The analytical results of the article contribute to enriching the scientific basis of soft skills education for monastic students in Vietnam Buddhist Universities.

Keywords: monastic student, soft skills, Dharma Propagation, Eightfold Path.